



thông tin giáo dục quốc tế

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC – TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
115 Hai Bà Trưng, Quận I - TPHCM, ĐT: 8355100 - Fax: 8393883, Email: ciecerc@hcm.vnn.vn

*T*oàn cầu hóa đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng thay đổi trong hệ thống giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. **Bản tin Thông tin Giáo dục Quốc tế** kỳ này xin giới thiệu bài viết của TS. Philip G. Altbach, Giám đốc Trung tâm Giáo dục Đại học, Trường Đại học Boston, Hoa Kỳ, về những hiện tượng cơ bản nhất đang chi phối giáo dục đại học toàn thế giới trong thế kỷ hiện nay. Bài thứ hai của Howard French nói về những nỗ lực cụ thể của Trung Quốc trong việc đầu tư xây dựng những trường đại học hàng đầu nhằm cạnh tranh trên thị trường thế giới và đáp ứng những đòi hỏi của toàn cầu hóa. Những kinh nghiệm này là hết sức thiết yếu cho Việt Nam vì chúng ta có nhiều đặc điểm tương đồng với Trung Quốc, cũng có cùng mục tiêu và cũng đang trải qua những bước đi tương tự.

THỰC TẾ BÊN TRONG CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THẾ KỶ XXI

Philip G. Altbach

Giáo dục đại học đang trải qua những thay đổi ngoạn mục ở khắp nơi. Dường như thế kỷ 21 là một “con bão lý tưởng” của những áp lực ngoại tại cùng với những đáp ứng nội tại. Giai đoạn này có thể mang lại cơ hội cho những thay đổi và cải cách lớn lao, dù rằng những áp lực của nó có thể nhấn chìm các trường đại học. Mục đích của bài viết này là nhấn mạnh những nguyên nhân bên trong tạo ra một hoàn cảnh chưa từng có tiền lệ của giáo dục

đại học, và coi đó là một cách phân tích nền giáo dục đại học hiện đại trong bối cảnh lịch sử xã hội của nó. Trong khi thực tế này đang tồn tại phổ biến ở khắp mọi nơi, sự đáp ứng của các hệ thống giáo dục quốc gia, các chính phủ, và từng trường đại học lại có những khác biệt rất đáng kể. Một trong những lợi ích của cách tiếp cận so sánh là khả năng đối chiếu những cách làm khác nhau trong việc đáp ứng với tình trạng khủng hoảng.

Thực tế bên trong của giáo dục đại học được thảo luận ở đây vừa đơn giản, vừa phức tạp: thực tế của việc đại chúng hóa giáo dục đại học trên toàn thế giới; sự chuyển đổi giáo dục đại học từ chỗ là sản phẩm công thành ra sản phẩm tư nhân với những chính sách và lập trường kinh tế xã hội đằng sau những nhận thức này; sự xuất hiện ngày càng nhiều các nền kinh tế hậu công nghiệp có định hướng dịch vụ của các nước; và tác động của công nghệ thông tin đối với giáo dục đại học và đối với xã hội. Hiển nhiên là còn có những nhân tố khác tác động đến chính sách và thực tiễn giáo dục đại học, nhưng những nhân tố đã nêu trên đây là một thực tế trọng yếu có những ý nghĩa rất sâu sắc đối với hoạt động của các trường đại học và các hệ thống học thuật.

Hiện tượng đại chúng hóa giáo dục đại học

Đại chúng hóa giáo dục đại học là thực tiễn của nửa cuối thế kỷ XX, và sự mở rộng hệ thống giáo dục đại học trên toàn cầu đã diễn ra hết sức ngoạn mục. Chỉ riêng nước Mỹ là hiện tượng này đã có từ trước năm 1950. Từ năm 1975 đến 1995, con số sinh viên các trường đại học, cao đẳng, và trường nghề sau trung học trên toàn thế giới đã tăng gấp đôi từ 40 triệu đến 80 triệu, và sau đó sự mở rộng này vẫn tiếp tục giữ nhịp điệu ấy (Báo cáo của Tổ Đặc nhiệm về Giáo dục Đại học và Xã hội, 2000). Trung Quốc, với hơn 17 triệu sinh viên các hệ, giờ đây có một hệ thống giáo dục đại học rộng lớn nhất thế giới, nhưng vẫn chỉ mới tiếp nhận một con số khiêm tốn là 20% số người ở độ tuổi học đại học trong cơ cấu dân số. Phần lớn việc mở rộng giáo dục đại học của

Trung Quốc đã diễn ra trong hai thập kỷ vừa qua. Ấn độ đứng hàng thứ ba về con số sinh viên nhập học, với 10% số người trong độ tuổi học đại học: 10 triệu sinh viên. Kế hoạch hiện nay của họ là đưa tỷ lệ này lên đến 15% vào năm 2015, như vậy có lẽ sẽ thêm vào hệ thống giáo dục đại học 10 triệu sinh viên nữa. (Tilak, 2007; Government of India 2006). Những nước này chỉ là ví dụ về tầm mức của giáo dục đại học (Altbach 2007a). Những nơi khác trên thế giới cũng có mức tăng trưởng tương tự. Không một nước nào, trừ vài ngoại lệ có thể như Burma và có lẽ cả Korea, không phải chịu áp lực của đại chúng hóa. Tuy vậy, một số nước chủ yếu là ở châu Phi, vẫn chỉ có số người học đại học chưa đến 5% tổng số người trong độ tuổi. Hơn thế nữa, một khi các chính sách quốc gia có khả năng định hướng việc tăng trưởng, thì sự mở rộng này không thể ngừng lại được (Altbach 2007 b).

Đại chúng hóa giáo dục đại học là động lực của nhiều thay đổi khác đang diễn ra theo những cách khác nhau. Dựa trên sự quan sát thực tiễn học thuật ở nhiều nước khác nhau, có thể nêu lên những ý nghĩa nảy sinh từ hiện tượng đại chúng hóa như sau – tất nhiên không phải tất cả các nước đều chịu ảnh hưởng đồng thời hoặc ngang nhau:

- *Nhiều loại hình giáo dục đại học khác nhau:* Dù có kế hoạch hay không, việc đại chúng hóa giáo dục đại học cũng góp phần tạo ra nhiều loại trường phục vụ cho nhiều đối tượng đa dạng, với chất lượng, mục đích và nguồn lực rất khác nhau. Không có quốc gia nào đủ sức đào tạo tất cả sinh viên của mình trong những trường đại học theo

kiểu truyền thống, cũng như không có nước nào mà bất kỳ ai muốn vào đại học cũng đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh của các trường. Đặc trưng của các trường đại học truyền thống là họ được xem như một thứ đỉnh cao của hệ thống giáo dục, với một số ít các trường đại học chọn lọc, các trường dạy nghề sau trung học, và một số các trường chuyên nghiệp, phục vụ các đối tượng đa dạng. Các trường chuyên nghiệp nhỏ hơn, nhất là trường quản trị kinh doanh, cũng có thể chiếm giữ những vị trí trên đỉnh của hệ thống.

- *Đại học tư và sự tư nhân hóa các trường đại học/cao đẳng công lập.* Áp lực của số lượng cùng với tình trạng thiếu khả năng của nhà nước trong việc đáp ứng ngân sách cho số sinh viên nhập học đang gia tăng cũng có nghĩa là những hình thức mới của các trường và cách thức mới cung cấp tài chính cho họ tất yếu sẽ nảy sinh. Sự phát triển của đại học tư trên toàn thế giới là một bằng chứng cho thấy khi các trường công lập được nhà nước bao cấp về ngân sách không thể đáp ứng hết được nhu cầu tiếp cận giáo dục đại học của công chúng thì các loại trường khác chắc chắn sẽ được thành lập. Đại học tư giờ đây là một sức mạnh hùng hậu hầu như ở khắp nơi trên thế giới, trừ vài ngoại lệ như Úc và Tây Âu, và ở nhiều nước, phần lớn sinh viên đang theo học các trường đại học tư. Cùng với xu hướng này là hiện tượng tư nhân hóa các trường đại học công lập ở nhiều nước- yêu cầu ngày càng tăng của nhà nước trong việc đòi hỏi các trường công lập tự trang trải kinh phí hoạt động cho mình bằng nguồn thu học phí và các nguồn thu nhập tự có thông qua tư vấn, chuyển giao kỹ thuật

và những hoạt động liên kết, phối hợp khác.

- *Giảm sút tiêu chuẩn học thuật nói chung.* Khi giáo dục đại học mở rộng, dường như đã có hiện tượng số lượng tăng kéo theo chất lượng giảm. Điều này gần như là một kết quả không thể tránh của việc tiếp nhận một số lớn sinh viên đa dạng về trình độ trong lúc cơ sở vật chất thì nghèo nàn và cán bộ giảng dạy được đào tạo tốt thì ít, cũng như của việc tuyển sinh không mấy khắt khe. Việc giảm sút tiêu chuẩn về trình độ và gia tăng sự đa dạng của sinh viên đã tạo ra kết quả ngày càng có nhiều người không hoàn tất được việc học và mất nhiều thời gian hơn để lấy được tấm bằng.

- *Sinh viên và cán bộ giảng dạy có nhiều cơ hội tiếp cận học vấn hơn, đa dạng hơn về giới, về giai cấp xã hội, về dân tộc.* Giáo dục đại học đã không hoàn toàn là lĩnh vực đặc quyền của nam giới thuộc tầng lớp trên của xã hội như trước nữa. Ngay cả những trường hàng đầu giờ đây cũng đa dạng hơn, dù rằng điều này phổ biến hơn ở những trường ở bậc trung và bậc thấp trong hệ thống học thuật.

Lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân: Sự chuyển đổi những giá trị kinh tế

Trong mấy thập kỷ qua, đã có nhiều thay đổi đáng kể trong quan niệm về cơ sở hợp lý về mặt kinh tế của giáo dục đại học. Đã từng có một thời kỳ dài giáo dục được coi như “lợi ích công” ở nhiều nước, nghĩa là một cái gì có giá trị cho xã hội cũng như cho cá nhân – và do đó nhà nước nên chi trả vì lợi ích của xã hội. Một trong những lợi ích này là tạo ra những người có học vấn tốt,

những người sẽ đóng góp cho xã hội qua công việc của họ. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy những người có học vấn tốt kiếm được nhiều tiền hơn và do đó đóng thuế cao hơn, sống khỏe mạnh hơn, gắn kết tích cực hơn với xã hội thông qua bầu cử, tham gia các tổ chức xã hội, và những thứ đại loại như thế. Những giá trị này được coi như một sự đóng góp cho xã hội. Trái lại, “lợi ích tư” chủ yếu là lợi ích mang lại cho các cá nhân- như vậy gia tăng thu nhập do có bằng đại học cũng được coi là lợi ích tư. Trong khi giáo dục đại học luôn luôn đóng góp cho cả lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, xã hội vẫn tiếp tục mong muốn hỗ trợ tài chính cho nó do nhận thức về lợi ích xã hội mà nó mang lại.

Luận điểm này đang thay đổi một cách hết sức ấn tượng trên toàn thế giới. Giáo dục đại học ngày càng được coi là lợi ích cá nhân và nên do người hưởng lợi tự mình trả tiền: sinh viên và gia đình họ. Luận điểm này đang áp đảo các cuộc tranh luận, và sự thay đổi này là có cơ sở. Luận điểm này gắn với cách tiếp cận bảo thủ và theo hướng thị trường vốn nhấn mạnh việc tư nhân hóa trong xã hội nói chung cũng như trong bộ phận giáo dục đại học. Các nhà kinh tế học của Ngân hàng Thế giới và nhiều người khác đã nhấn mạnh tính chất trung tâm của luận điểm lợi ích cá nhân đối với giáo dục đại học và thuyết phục các nhà hoạch định chính sách trên toàn thế giới về tính chất xác đáng của cách tiếp cận này. Hơn thế nữa, sự mở rộng giáo dục đại học khiến nhà nước càng thêm khó khăn hơn bao giờ hết trong việc cung cấp tài chính cho các trường: số sinh viên nhập học ngày càng lớn, số trường được thành lập ngày càng nhiều, và một hệ thống

giáo dục sau trung học đã được đại chúng hóa. Như vậy là, các nhân tố về nhận thức, về kinh tế, và triết lý đã chống đỡ cho thực tiễn tài chính mà hầu hết các chính phủ đang phải đương đầu. Cuộc tranh luận, thường là được diễn giải bằng thuật ngữ kinh tế, trong thực tiễn là sự kết hợp của kinh tế, tư tưởng và triết lý. Trong lúc chắc chắn là đòi hỏi tăng cao của công chúng trong việc tiếp cận giáo dục đại học đã đặt ra một áp lực lớn cho nhà nước trong việc tăng chi cho các trường, thì quan điểm lợi ích cá nhân đã đưa ra một cơ sở hợp lý cho việc quyết định không dành thêm các nguồn lực công cho giáo dục đại học nữa.

Ý nghĩa sự áp đảo của quan niệm coi giáo dục đại học là lợi ích của cá nhân thì rất rộng. Bộ phận giáo dục đại học tư, gần như hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn thu học phí, là thí dụ hoàn hảo phản ánh cách tiếp cận này. Các trường đại học công được yêu cầu phải dựa vào học phí và các nguồn thu từ những dự án hợp tác nghiên cứu để tự trang trải chi phí cho mình. Nhà nước đã cắt giảm một cách có hệ thống việc tài trợ cho giáo dục đại học. Kết quả dễ thấy là trên toàn thế giới, học phí tăng, nghiên cứu cơ bản giảm, các trường ngày càng có tính chất giống như một doanh nghiệp học thuật. Đôi khi, như ở châu Mỹ Latin, việc cắt giảm nguồn lực nhà nước đã dẫn đến tình trạng bất ổn của sinh viên và những xung đột chính trị.

Sự thay đổi bối cảnh kinh tế của giáo dục đại học ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận đại học và sự công bằng, thường là theo những cách mâu thuẫn lẫn nhau. Học phí tăng trong các trường công và sự phụ thuộc vào học

phí của các trường tư đã cản trở các học sinh nghèo đặt chân vào trường đại học. Tuy vậy, rất nhiều gia đình nghèo đã hy sinh tất cả để ít nhất có được một đứa con vào đại học. Ở nhiều nước, sự bất lực của trường công trong việc cung cấp cơ hội học tập cho mọi người cũng có nghĩa là những người ít khả năng kinh tế nhất lại phải theo học những trường tư giá cao và thường là chất lượng thấp. Hệ thống giáo dục đại học đang có sự phân hóa ngày càng nhiều, với những trường hàng đầu do những sinh viên nhà giàu chiếm số lượng áp đảo, những người có thuận lợi được học trường tốt ngay từ trung học và đủ tiền học luyện thi để qua được kỳ thi tuyển sinh. Sự thống trị của quan điểm lợi ích cá nhân cũng có nghĩa là bộ phận nghèo nhất trong dân chúng thường là phải trả cái giá cao nhất cho một chất lượng giáo dục tầm thường.

Xét về mặt học thuật, việc chấp nhận rộng rãi luận điểm coi giáo dục đại học là lợi ích cá nhân đã tạo ra nhiều vấn đề đối với việc nghiên cứu cơ bản của các trường đại học. Nghiên cứu cơ bản không phải là lĩnh vực có thể thu hồi vốn nhanh chóng mà là nền móng của nghiên cứu ứng dụng. Hơn nữa, nghiên cứu cơ bản là chức năng trọng yếu chỉ ở các trường đại học định hướng nghiên cứu, một thiếu sót tinh hoa của hệ thống học thuật. Tuy vậy, những nghiên cứu loại này sản sinh ra cơ sở khoa học cho những ứng dụng sau đó, và là nền móng cho những khám phá khoa học, những thứ sẽ có thể được trao giải thưởng Nobel. Nghiên cứu cơ bản do vậy rất cuộc là lợi ích xã hội, và trong bối cảnh nhấn mạnh vào luận điểm giáo dục đại học là lợi ích cá nhân, nó không tránh khỏi giảm sút chất lượng.

Cuộc tranh luận đang được đổ thêm dầu vào lửa bởi những ràng buộc về nhận thức và triết lý, cũng như bởi những khó khăn tài chính hết sức thực tế trong việc hỗ trợ giáo dục đại học.

Nền kinh tế dựa trên tri thức

Khi nhiều nước chuyển sang nền kinh tế dịch vụ hậu công nghiệp, giáo dục đại học càng trở nên quan trọng khi nó được coi là nền móng của kinh tế tri thức thế kỷ XXI (Castells 2000). Vai trò của giáo dục đại học vô cùng quan yếu đối với nền kinh tế này cũng như đối với những biến đổi xã hội. Các trường đại học là những cơ quan trọng yếu nối kết thông tin, đào tạo và nghiên cứu. Hơn nữa, trường đại học là nơi giao tiếp về khoa học và kỹ thuật với các quốc gia khác và các nền học thuật trên thế giới đang có mối liên hệ ngày càng tăng với các nền kinh tế. Giáo dục đại học đang thực hiện những chức năng sau đây:

- *Đào tạo.* Các nền kinh tế tri thức cần nhân sự có kỹ năng ở mọi trình độ và với số lượng ngày càng nhiều. Kỹ thuật đòi hỏi những kiến thức chuyên sâu, và điều này quan trọng không kém, kỹ năng thích nghi với những thay đổi kỹ thuật đang diễn ra với tốc độ rất nhanh. Trường đại học và các trường nghề sau trung học cung cấp dịch vụ giáo dục và đào tạo này. Các trường đại học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo ra những nhà khoa học hàng đầu trong lực lượng nghiên cứu, cũng như trong việc tạo ra những người lao động trình độ cao vô cùng cần thiết đối với nền kinh tế mới.

- *Nghiên cứu.* Trường đại học cung cấp những nghiên cứu cơ bản và ứng

dụng cần thiết cho nền kinh tế tri thức. Mối liên hệ giữa trường đại học và công nghiệp sản xuất cũng như những liên quan về mặt khoa học trong lĩnh vực công nghệ sinh học và những lĩnh vực khác đã cho thấy giá trị và sự liên quan mật thiết giữa nghiên cứu và đời sống. Sản phẩm mà các trường đại học tạo ra đã làm tăng một cách đáng kể những phương tiện cải thiện nền kinh tế.

• *Truyền thông.* Đối với cộng đồng học thuật, các trường đại học không chỉ liên quan đến truyền thông tri thức, mà còn là những mắt xích trọng yếu đối với việc thụ đắc tri thức và tiếp nhận chuyển giao từ cộng đồng khoa học quốc tế.

• *Cải cách.* Trường đại học tập hợp các nhà khoa học trên nhiều lãnh vực chuyên môn trong một môi trường ngày càng nhấn mạnh tư duy liên ngành. Những trường đại học tốt nhất bao giờ cũng khuyến khích những hoạt động nghiên cứu và phát triển có tính chất liên ngành và đổi mới.

• *Phê bình văn hóa và xã hội.* Vai trò của trường đại học như một diễn đàn thảo luận về đời sống trí tuệ, chính trị và văn hóa thường là chưa được coi trọng ngang bằng vai trò của nó trong khoa học ở thế kỷ XXI.

• *Là nơi lưu trữ tri thức cho toàn xã hội.* Trường đại học, thông qua các thư viện, bảo tàng, cũng như các khoa và chương trình đào tạo, đóng góp to lớn vào việc sáng tạo và diễn giải các nền văn hóa cũng như lưu giữ các thành tựu của loài người. Một số nơi trên thế giới, như ở các nước đang phát triển, khi các nhà văn hóa, nhà bảo tàng còn

ít ỏi, vai trò của trường đại học trong vấn đề này càng đặc biệt quan trọng

Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin đã thay đổi một cách căn bản giáo dục đại học trên toàn thế giới, sửa đổi cách quản lý nội bộ các trường. Bản chất và tầm mức của việc truyền thông khoa học đã có những thay đổi lớn lao trong từng nước và trên toàn cầu. Bản chất của việc dạy và học đang biến đổi thông qua giáo dục từ xa và qua việc sử dụng phương tiện kỹ thuật mới trong các lớp học theo kiểu truyền thống.

Việc quản lý chịu ảnh hưởng rất đáng kể của công nghệ thông tin qua nhiều cách khác nhau. Có lẽ quan trọng nhất là cách thu thập, vận dụng, và truyền thông các loại dữ liệu. Điều này khiến cho trách nhiệm giải trình trong hệ thống quản lý thành ra dễ dàng hơn và có những dữ liệu được đánh giá và sử dụng ở nhiều cấp quản lý trong trường đại học cũng như được dùng làm cơ sở dữ liệu cho nhà nước và những cơ quan có thẩm quyền khác. Công nghệ thông tin đã biến nhiều nhân tố của hoạt động học thuật như kết quả học tập của sinh viên, năng suất làm việc của các giáo sư, v.v. trở thành những dữ liệu. Công nghệ thông tin làm cho việc quản lý tài chính thành ra đơn giản và cho phép một mức độ tự chịu trách nhiệm về tài chính lớn hơn. Công nghệ thông tin cũng làm giảm quyền tự chủ về chuyên môn học thuật, đặt ra một chế độ kiểm soát chặt chẽ hơn đối với mọi giảng viên.

Nhân tố hữu hình dễ nhận biết nhất của cuộc cách mạng công nghệ thông tin liên quan tới việc lưu trữ và truyền

thông tri thức. Thư viện đã biến đổi một cách cục bộ thông qua sử dụng công nghệ thông tin trong việc giao tiếp, lưu trữ và truy lục dữ liệu. Việc sử dụng kho thông tin dữ liệu gia tăng là nhờ các mạng điện tử -thông qua tạp chí mạng, sách được số hóa, và những thứ đại loại như thế (Ekman and Quandt 1999). Việc lưu trữ kiến thức đã và đang thay đổi.

Các nhà khoa học và giới chuyên môn giao tiếp với nhau qua mạng điện tử, email, và những phương tiện khác dựa trên sự đổi mới của công nghệ thông tin. Những bước phát triển mạnh mẽ của công nghệ truyền thông đã tạo điều kiện cho nhiều nhà khoa học được chia sẻ tri thức. Hội thảo qua mạng, đường dẫn video, và những đổi mới khác của công nghệ thông tin đã làm cho việc giao tiếp thành ra dễ dàng và khuyến khích các liên kết qua mạng. Những kết quả về mặt kinh tế, xã hội, và kỹ thuật của những thay đổi này là vô cùng to lớn (Brown and Duguid 2000). Tri thức có thể được chia sẻ một cách dễ dàng và sẵn sàng cho sử dụng trên khắp thế giới. Tuy vậy, có một câu hỏi lớn về vấn đề quyền sở hữu tri thức, người kiểm soát các mạng thông tin, và những nhân tố khác.

Dạy và học thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin vẫn còn đang ở giai đoạn khởi đầu. Trong lúc việc sử dụng công nghệ thông tin cho giáo dục từ xa nay đã trở thành rộng khắp với hàng triệu sinh viên học tập qua những chương trình đào tạo từ xa, thì tất cả tiềm năng và tầm cỡ của nó vẫn chưa được nhận thức đầy đủ. Vấn đề còn lại về chất lượng đào tạo của các chương trình từ xa và kỹ thuật đang thường xuyên được cải tiến. Những chương

THÔNG TIN GIÁO DỤC QUỐC TẾ SỐ 2 NĂM 2008

trình đào tạo từ xa có thể do các trường đại học truyền thống tổ chức như một bộ phận trong các khóa học, hoặc do các trường đại học chuyên dạy từ xa, các tổ chức lợi nhuận và phi lợi nhuận đứng ra tổ chức. 8/10 trường đào tạo từ xa lớn nhất đặt tại các nước đang phát triển và các nước có thu nhập trung bình. Sáng kiến của Trường Đại học Massachusetts Institute of Technology (MIT) về việc cung cấp nội dung các khóa học của họ trên internet miễn phí là một ví dụ gây ấn tượng sâu sắc về tác động của công nghệ thông tin đối với giáo dục đại học. Việc đào tạo từ xa qua công nghệ thông tin đang đương đầu với nhiều thử thách: những vấn đề về chất lượng, sự phát triển của những phương tiện kỹ thuật có hiệu quả, và việc theo đuổi những mô hình kinh doanh thành công. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, “cuộc cách mạng từ xa” đang chiếm lĩnh trận địa của giáo dục đại học trong thế kỷ XXI.

Kết luận

Những nhân tố trên đây là một trong những thực tiễn trọng yếu của giáo dục đại học trên toàn thế giới. Nó chiếm vị trí trung tâm trong những suy xét cần nhắc về chính sách giáo dục đại học, về cải cách và phát triển. Nhiều nhân tố phụ thuộc khác cũng ảnh hưởng tới giáo dục đại học, và cũng đã được nhắc đến trong những vấn đề được đưa ra thảo luận trong bài này. Mục đích của chúng tôi là nhấn mạnh bản chất và mối quan hệ tương liên giữa những chủ đề này và tác động của nó đối với giáo dục đại học đương thời.

TS. Phạm Thị Ly dịch

(Nguồn: *The Underlying Realities of Higher Education in the 21st Century*,

Higher Education in the New Century- Global Challenges and Innovative Ideas, Philip G. Albach, Boston College, June 2007).

References

Altbach, P. G. (2007a). Fostering Asia's brightest. *Far Eastern Economic Review* January-February, 53-57.

Altbach, P. G. (2007b). The logic of mass higher education. *In tradition and Transition: The International imperative in higher education*, 3-23. Rotterdam, Netherlands: Sense Publishers.

Brown, J.S., and P. Duguid (2000). *The social life of information*. Boston: Harvard Business School Press

Castells, M. (2000). *The rise of the network society*. Oxford: Blackwells.

Ekman, R., and R. E. Quandt, eds. (1999). *Technology and scholarly communication*. Berkeley: University of California Press.

Government of India (2006). *Report of the National Knowledge Commission*. New Delhi: Government of India.

Task Force on Higher Education and Society. (2000). *Higher Education in developing countries: Peril and promise*. Washington, DC: World Bank.

Tilak, J. B. G (2007). Knowledge commission and higher education *Economic and Political Weekly*, February 24, 630-33.

TRUNG QUỐC ĐANG SỬ DỤNG TIỀN TỶ ĐỂ XÂY DỰNG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỐT HƠN

Howard W. French

Khi Andrew Chi-chih Yao, giáo sư trường Đại học Princeton, người được công nhận là một trong những nhà khoa học máy tính hàng đầu của nước Mỹ, được Trường Đại học Thanh Hoa ở Bắc Kinh mời phụ trách một chương trình đào tạo nâng cao về máy tính, ông đã nhận lời không hề ngần ngại.

Tại sao một nhà khoa học gạo cội của một trường đại học Hoa Kỳ hàng đầu lại rời bỏ một nơi danh tiếng như thế vì một trường đại học chưa được biết đến nhiều bên ngoài Trung Quốc? Một lý do là lòng trung thành với đất

nước mà ông đã được sinh ra, dù ông lớn lên ở Đài Loan và tạo dựng sự nghiệp khoa học của mình trên nước Mỹ.

Ông nói “Chủ nghĩa yêu nước quá là có một vai trò ở đây, vì tôi không sao hình dung được việc đi đâu khác, cho dù với những điều kiện làm việc tương đương”.

Trung Quốc muốn đưa những trường đại học hàng đầu của mình vào danh sách những trường đại học tốt nhất trên thế giới trong vòng một thập

kỹ, và đang chi hàng tỷ đô la cho việc tranh thủ những tên tuổi lớn như Yao và cho việc xây dựng những phòng thí nghiệm, những trung tâm nghiên cứu tốt nhất. Những nỗ lực này là cái giá mà Trung Quốc sẵn sàng trả cho việc nâng cao hình ảnh của mình như một lực lượng hùng mạnh.

Ở Trung Quốc đã và đang diễn ra việc mở rộng giáo dục đại học rất đáng chú ý, số sinh viên đại học gia tăng mạnh mẽ và số người có bằng tiến sĩ đã tăng gấp năm lần trong vòng mười năm trở lại đây.

“Những trường đại học hàng đầu ngày càng gia tăng ảnh hưởng đối với sức mạnh chung của đất nước”. Wu Bangguo, một trong những người chủ chốt thực hiện bảng xếp hạng các trường đại học của Trung Quốc, đã phát biểu như vậy trong diễn văn kỷ niệm 100 năm thành lập Trường Đại học Phúc Đán mới đây.

Cách làm của Trung Quốc thật đơn giản: tuyển dụng những người Trung Quốc giỏi nhất được đào tạo ở nước ngoài và những người gốc Trung Quốc sinh ra và làm việc ở nước ngoài cho những phòng thí nghiệm và trung tâm nghiên cứu được trang bị cực tốt, bao vây họ bằng những sinh viên sáng sủa thông minh nhất, và đem đến cho họ vô số thứ chậm trễ khó khăn cần phải khắc phục.

Trung Quốc đang tập trung vào khoa học tự nhiên và kỹ thuật, những lĩnh vực phản ánh nhu cầu phát triển của quốc gia, nhưng đồng thời cũng phản ánh sự thiên vị của một hệ thống độc tài vốn ngăn cấm những phát biểu tự do. Khoa học xã hội và nhân văn

thường liên quan tới những ý tưởng phê phán về chính trị, kinh tế và lịch sử. Nhà nước ít nhấn mạnh đến việc đạt đẳng cấp thế giới trong những môn này. Tuy vậy, nhiều người Trung Quốc cũng nhận định –thường là một cách gián tiếp- rằng việc hạn chế những cuộc tranh luận khoa học có thể cản trở những nỗ lực tạo ra các trường đại học đẳng cấp quốc tế.

Lin Jianhua, Phó Hiệu Trưởng Trường Đại học Bắc Kinh nhận định: “Hiện nay, tôi cho rằng chẳng có trường đại học nào ở Trung Quốc có một bầu không khí có thể so sánh được với các trường đại học lâu đời ở phương Tây- Harvard hay Oxford- về mặt tự do diễn đạt ý tưởng” (...) “Chúng ta cố gắng đem lại cho sinh viên một môi trường tốt hơn, nhưng để có thể làm được điều đó, cần có thời gian. Không phải là 10 năm, mà là một hay hai thế hệ”.

Tuy nhiên, có thể cảm thấy niềm tự hào mới mẽ của các nhà chính trị, các nhà lãnh đạo đại học, giáo sư và sinh viên về việc Trung Quốc đang bước vào hàng ngũ tinh hoa của giáo dục thế giới. Những người Trung Quốc trẻ tuổi đến thăm những trường đại học hàng đầu như thể đi hành hương, chụp ảnh trước những mái vòm cổng trường mà họ mơ ước được đặt chân vào với tư cách là một sinh viên của trường ấy.

Rao Zihe, Giám đốc Viện Nghiên cứu Lý Sinh của Đại học Thanh Hoa, một trường rất có uy tín về khoa học và được coi là một trường đại học tốt nhất của Trung Quốc, cho rằng “Có lẽ trong 20 năm nữa, Trường Đại học MIT sẽ phải học tập kinh nghiệm của Đại học Thanh Hoa”. “Không thể tiên đoán sẽ

mất bao lâu để đến ngày ấy, nhưng về một vài mặt nào đó, chúng ta còn tốt hơn cả Trường Đại học Harvard hiện nay”.

Chỉ trong vòng một thế hệ, kể từ năm 1978, Trung Quốc đã đưa tỉ lệ những người trong độ tuổi vào đại học từ 1,4% lên đến 20%. Chỉ riêng trong lĩnh vực kỹ thuật, Trung Quốc tạo ra 442,000 cử nhân hàng năm, cùng với 48,000 người hoàn tất bằng thạc sĩ và 8,000 người đạt học vị tiến sĩ.

Nhưng chỉ có Trường Đại học Bắc Kinh và một vài trường hàng đầu của Trung Quốc là được thế giới công nhận là có chất lượng cao. Từ năm 1998, khi Đặng Tiểu Bình, sau đó là lãnh đạo của Trung Quốc, chính thức tuyên bố quyết tâm chuyển biến các trường đại học Trung Quốc, ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học đã tăng hơn gấp đôi, lên tới 10,4 tỷ đô la Mỹ trong năm 2003, thời điểm sau cùng mà chúng ta có số liệu chính thức về việc này.

Xu Tian, nhà nghiên cứu di truyền học hàng đầu được đào tạo tại Đại học Yale và hiện nay vẫn đang dạy tại đó, phụ trách một phòng thí nghiệm ở Đại học Phúc Đán nơi tiến hành những nghiên cứu về biến đổi gen. Ngày 12 tháng 8, nghiên cứu có tính đột phá của ông đã được nêu trên trang bìa của tờ tạp chí nghiên cứu uy tín *Lưu ý*- Tạp chí Nghiên cứu Các Tế bào- lần đầu tiên một khoa học gia Trung Quốc có vinh dự ấy!

Trường Đại học Bắc Kinh đã lôi kéo được tài năng của Tian Gang- một nhà toán học hàng đầu của MIT, trong việc xây dựng một trung tâm nghiên cứu quốc tế về toán cao cấp trong số các

trung tâm nghiên cứu trình độ cao khác.

Các nhà quản lý của Đại học Bắc Kinh ước lượng khoảng 40% cán bộ giảng dạy của học được đào tạo ở nước ngoài, phần lớn là ở Mỹ.

Hiệu trưởng Trường Đại học Yale, Richard Levin, trong một cuộc phỏng vấn ở Thượng Hải khi ông đến thăm tháng 9 năm trước nhân Lễ kỷ niệm 100 năm Đại học Phúc Đán, cũng đã tán dương tài năng của sinh viên Trung Quốc: “Trung Quốc chiếm 20% dân số thế giới, có thể yên tâm mà nói rằng hơn 20% những sinh viên tốt nhất thế giới là người Trung Quốc. Họ có một tài năng chưa được gọt giũa”.

Levin cũng lưu ý giá nhân công lao động thấp của Trung Quốc đã làm đơn giản hóa những nỗ lực nâng cao chất lượng lao động. Ông đã sửng sốt khi biết rằng một phòng thí nghiệm mới ở Đại học Giao thông Thượng Hải được xây dựng với giá xấp xỉ 50USD/f2, so với 500USD tại Yale.

Có những ý kiến phê phán cho rằng Trung Quốc đang cố gắng đạt được sự xuất sắc trên quá nhiều lĩnh vực cùng lúc, và kế hoạch chọn 30 trường để đầu tư lớn bằng ngân sách quốc gia khó mà có được sự phân biệt cần thiết, là một sự lãng phí nhân đôi và hy sinh sự xuất sắc. Ngay cả Levin cũng phải kèm chế nhiệt tình của mình mà cảnh báo rằng những trường hàng đầu đang mở rộng quá nhanh về số lượng và làm chất lượng bị loãng đi. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, những phê phán gay gắt nhất thường là ý kiến của những người đã làm việc trong hệ thống này.

Yang Fujia, nhà vật lý hạt nhân, nguyên hiệu trưởng của Trường Đại học Phúc Đán nói: “Điều quan trọng là các trường khác nhau nên có chất lượng khác nhau, cũng giống như cần có những nốt cao thấp khác nhau trong một bản giao hưởng. Nhưng tất cả các trường đại học Trung Quốc đều muốn là trường tổng hợp, đa ngành. Ai cũng muốn làm cây đàn piano, vừa có cả khoa y, vừa có thật nhiều sinh viên cao học”.

Yang, hiện nay đang lãnh đạo một trường đại học thực nghiệm nhỏ ở Ningbo, được thành lập với sự hỗ trợ của Trường Đại học Nottingham, cũng bị phê phán về việc hạn chế quyền tự chủ đối với các nhà nghiên cứu Trung Quốc.

Ông nói thêm: "Ở Princeton, một nhà toán học có thể 9 năm liền không công bố một bài báo khoa học nào, để rồi đến năm thứ 10 thì công bố một công trình giải quyết được những vấn đề đã tồn tại hàng vài trăm năm nay, như trường hợp Andrew Wiles và giải pháp của ông đối với Định lý Fermat đầu những năm 90. Chẳng ai dòm ngó chuyện ấy bởi vì họ biết trân trọng sự tận tụy công hiến cho những công việc khó khăn căng thẳng ở đó. Chúng ta chưa có được tinh thần ấy ở Trung Quốc”.

Tương tự như vậy, Ge Jianxiong, một nhà địa lý lỗi lạc ở Đại học Phúc Đán, nói rằng văn hóa Trung Hoa đòi hỏi những kết quả nhanh chóng, điều này có thể xói mòn việc nghiên cứu. “Ở Trung Quốc, các dự án thường ngắn hạn, thông thường là 3 năm. Sau đó người ta đòi hỏi phải có các ấn phẩm đồ sộ. Trong những cuộc nghiên cứu

thực sự, cần phải cho các nhà khoa học sự tự do cần thiết để có được kết quả tốt, chứ không chỉ là kết quả mà người ta muốn”.

Trung Quốc dùng tiền tỷ để có những trường đại học tốt hơn

Ge bổ sung thêm những khó khăn của giáo dục khi mà nó luôn luôn được coi là công cụ của chính trị.

Yao nói ông kỳ vọng nhiều vào việc tập trung xây dựng một chương trình đẳng cấp thế giới về đào tạo tiến sĩ, nhưng ông đã phát hiện những chỗ yếu đáng kinh ngạc trong chương trình đào tạo bậc cử nhân, và quyết định sẽ dạy ở trình độ này trước đã. “Bạn không thể nói một cách đơn giản tôi sẽ chỉ làm những chương trình mũi nhọn; đó không phải là một giải pháp hiệu quả. Bạn phải dạy thật tốt những thứ cơ bản trước đã”.

Nhưng điểm yếu lớn nhất, như nhiều nhà khoa học Trung Quốc đã cho biết, là sự thiếu vắng tự do học thuật. Yang, nguyên hiệu trưởng Trường Đại học Phúc Đán, cảnh báo rằng nếu không xây dựng được một bầu không khí đúng đắn, những bộ óc vĩ đại ở nước ngoài có thể sẽ chỉ đến Trung Quốc một hay hai năm là tìm đường rút vì bực bội.

Gong Ke, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thanh Hoa, nói rằng các trường đại học “có bốn phận bảo đảm cho tự do học thuật”.

"Chúng tôi có những giáo sư dạy ở đây, người nước ngoài, đang dạy rất khác với quan điểm của chính phủ Trung Quốc". Ông nói thêm: “Có

những người phê phán mạnh chính sách kinh tế của Trung Quốc”.

Li Ao, một nhà văn Đài Loan nổi tiếng, đã kêu gọi mở rộng tự do học thuật và độc lập với nhà nước trong một diễn văn đọc hồi tháng 9 tại Đại học Bắc Kinh. Ngày hôm sau, sau bản tin được đưa ra dưới áp lực chính thống khá nặng nề, ông đã trình bày một phiên bản được thuần hóa hơn nhiều tại Đại học Thanh Hoa, nơi mà các phương tiện truyền thông được kiểm soát rất chặt chẽ.

Chính phủ Trung Quốc cũng kiểm duyệt các bản tin trên mạng của các trường đại học và của các nhóm thảo luận, và gần đây đã ngăn chặn sinh viên Trường Đại học Zhongshan ở Quang Du nói chuyện tự do với những quan chức HongKong được mời đến viếng thăm trường.

Sinh viên ở đây không được khuyến khích để thử thách quyền lực hay tri thức. Điều này giải thích vì sao Trung

Quốc chưa từng bao giờ có giải Nobel trong bất cứ lãnh vực nào. Điều cần nhất bây giờ, như các nhà khoa học giỏi nhất của Trung Quốc nói, và nhấn mạnh, là những bộ óc độc đáo.

Điều vĩ đại nhất mà Trung Quốc đã làm được trong 20 năm qua là đưa 200 triệu người thoát cảnh đói nghèo. Xu nói: “Tuy vậy, Trung Quốc vẫn chưa nhận ra rằng nếu muốn tiến lên một trình độ mới, thì phải hiểu rằng các con số là không đủ”.

"Chúng ta cần một cuộc cách mạng mới để đưa chúng ta ra khỏi nền văn hóa mà giải thưởng là trở thành quan chức nhà nước. Chúng ta phải học cách ban thưởng cho những đổi mới thực sự, cho những tư tưởng độc lập, và những công trình học thuật chính công!"

TS. Phạm Thị Ly dịch

(Nguồn: *The International Herald Tribune*, 27 October 2005)

Tư liệu tham khảo Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế mong nhận được sự cộng tác về bài vở, thông tin và nhận xét góp ý của cán bộ, giáo viên và sinh viên trong và ngoài trường.

Mọi thư từ bài vở xin liên lạc:

**Trung tâm Nghiên cứu Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế
Viện Nghiên cứu Giáo dục (Trường Đại học Sư phạm TPHCM)**

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Quận 5, TPHCM, Việt Nam

ĐT: 8355100 Fax: 8393883 E-mail: ciecer@hcm.vnn.vn

Website: www.ier.hcmup.edu.vn

Chịu trách nhiệm nội dung: PGS. TS. Phạm Xuân Hậu

Cố vấn khoa học: GS.TSKH. Lê Ngọc Trà

Biên tập: TS. Phạm Thị Ly

Trình bày: Dương Thị Ánh Vi

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ